

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship G12

Organizer(s) : Chinese Chess Association
 Tournament Director : Sainbayar Tserendorj 4901614
 Chief Arbiter : KK Chan 6000991
 Deputy Chief Arbiter : IA Li Ang 8606870, IA Liang Zhihua 8600562
 Arbiter : FA Wang, Xinyue 8603960, FA Lai, Robin 6000436; FA Chuah, Jin Ha
 Town : Yangjing Juyuan Experimental School, Shanghai, China
 Rating-Ø : 1383
 Date : 2018/08/02 To 2018/08/09

Round 4 on 2018/08/04 at 15:00

Bo.	SNo.	Name	Pts	Res.	Pts	Name	SNo.
1	3	Cai Jinru	2½	1-0	2½	Chong Kai Ni Agnes	5
2	2	Yin Tingwen	2	1-0	2	Edithso Samantha	1
3	4	WCM Sun Yucan	2	1-0	1½	Wu Shuang	7
4	8	Chen Yumeng	1½	1-0	1½	Zhou Zitong	12
5	9	Huang Yuen Tung	1	1-0	1	Kang Sohyun	6
6	11	Wang Yuqi	½	0-1	0	Li Manyan	10

Program **Swiss-Manager** developed and copyright © by DI.Heinz Herzog, 1230 Vienna Joh.Teufelg.39-47/7/9,
 Mail:h.herzog@swiss-manager.at,homepage <http://swiss-manager.at>, User:Chinesechessassociation, 2018/07/29
 Details on this tournament can be found on <http://chess-results.com>

第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



Gen R4 B1
10

日期 Date: 8.4 轮次 Round: 4 台次 Board: 1 组别 Group: G12
 白方 White: Cai Jinru 国籍 Federation: CHN 等级分 Rating: 1566
 黑方 Black: Chong Kai Ni 国籍 Federation: MAS 等级分 Rating: 1566
 结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black		White	Black		White	Black
1	d4	d5	31	Nb1	ke7	61	Kc3#	Nc6
2	B95	Nf6	32	Nd2	kd8	62	a3	kd7
3	e3	Bf5	33	Nb3	Ke8	63	Ndb	kd8
4	c4	eb	34	h4	Kc7	64	Bc2	Nd7
5	Nc3	cb	35	g4	g5	65	Bf5	Nf8
6	Nf3	Be7	36	h9	N95	66	Nc8	Nd7
7	Be2	o-o	37	Bd3	g6	67	Ndb	Nf8
8	o-o	Nbd7	38	f4 f3	Neb	68	Kb3 Kbb	Nd7
9	Nh4/Nh4	B96	39	f5	g7	69	Kc3	Nf8
10	N96	h9	40	Bf5	N97	70	kd3	Nc7
11	c5	bb	41	Bd3	Neb	71	Nb7	ke7
12	b4	bc	42	Nd2	Nd7	72	Na5	ab
13	bc	Qa5	43	Nf3	fb	73	Ncb	Ke8
14	Qe2	Rfe8	44	Nh4	N97	74	Nb4	Nd7
15	Rab1	Ba8	45	Nf5	Neb	75	a4	a5
16	Bf4	Bc7	46	Ndb	kd8	76	Ncb	
17	Bc7	Qc7	47	Bf5	N97	77		
18	Rb3	Rab8	48	B9b	Nf8	78		
19	Rfb1/Rfb1	e5	49	Bd3	Nd7	79		
20	f3	ed	50	Bab	Nb8	80		
21	ed	Qf4	51	Bd3	Nd7			
22	Qd3	Rb3	52	B9b	Nf8			
23	Rb3	Rb8	53	Bc2	Nd7			
24	Rb8	Nb8	54	Ba4	Kc7			
25	g3	Qc1	55	Bc2	kd8			
26	Nd1	Nfd7	56	Nf5	Neb			
27	Qc3	Qc3	57	Kf3	Ndf8			
28	Nc3	Nf8	58	Ke3	Nd7			
29	Kf2	Neb	59	kd3	Nc7			
30	Ke3	Kf8/Kf8	60	Ba4	Nb8			

签名 Signature:
 白方 White: Cai Jinru
 黑方 Black: [Signature]
 裁判 Arbiter: [Signature]



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



G12 R4 B 1-0

日期 Date: 4.8.18 轮次 Round: 4 台次 Board: Black
 白方 White Cai Jinru 国籍 Federation CHN 等级分 Rating _____
 黑方 Black Agnes Chong 国籍 Federation MAS 等级分 Rating _____
 组别 Group G12G

结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black
1	d4	d5
2	Bg5	Nf6
3	e3	Bf5
4	c4	e6
5	Ne3	c6
6	Nf3	Be7
7	Be2	0-0
8	0-0	Nbd7
9	Nh4	Bg6
10	Nxg6	hxg6
11	a5	b6
12	b4	bxc4
13	bxc4	Qa5
14	Qc2	Re8
15	Rb1	Bd8
16	Bf4	Bc7
17	Bxc7	Qxc7
18	Rb3	Rb8
19	Rfb1	e5
20	f3	exd4
21	exd4	Qf4
22	Qd3	Rxb3
23	Rxb3	Rb8
24	Rxb8	Nxb8
25	g3	Qc1
26	Nd1	Nfd7
27	Qc3	Qxc3
28	Nxc3	Nf8
29	Kf2	Ne6
30	Ke3	Kf8

	White	Black
31	Nb1	Ke7
32	Nd2	Kd8
33	Nb3	Kc8
34	h4	Kc7
35	g4	g5
36	hxg5	Nxg5
37	Bd3	g6
38	f4	Ne6
39	f5	gxf5
40	Bf5	Ng7
41	Bd3	Ne6
42	Nd2	Nd7
43	Nf3	f6
44	Nh4	Ng7
45	Nf5	Ne6
46	Nd6	Kd8
47	Bf5	Ng7
48	Bg6	Nf8
49	Bd3	Nd7
50	Bg6	Nb8
51	Bd3	Nd7
52	Bg6	Nf8
53	Bc2	Nd7
54	Ba4	Kc7
55	Bc2	Kd8
56	Nf5	Ne6
57	Kf3	Nf8
58	Ke3	Nd7
59	Kd3	Nc7
60	Bh4	Nb8

	White	Black
61	Kc3	Nca6
62	a3	Kd7
63	Nd6	Kd8
64	Bc2	Nd7
65	Bf5	Nf8
66	Nc8	Nd7
67	Nd6	Nf8
68	Kb3	Nd7
69	Kc3	Nd7
70	Kd3	Nc7
71	Nb7	Ke7
72	Nd5	a6
73	Mxc6	Ke8
74	Nb4	Nd7
75	a4	a5
76	Nc6	
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White	黑方 Black
Cai Jinru	
裁判 Arbiter	



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 2018/08/04 轮次 Round: 4

台次 Board: 2

白方 White Yin Tingwen 国籍 Federation

等级分 Rating

黑方 Black Samantha Edithro 国籍 Federation

等级分 Rating

组别 Group

G12S

结果 Result:

1-0

0-1

1/2-1/2

	White	Black		White	Black		White	Black
1	e4	c5	31	Nd4 s1	Qc5	61		
2	Nf3	db	32	Qc5 s0	dc	62		
3	Bb5	Bd7	33	Ncb w	es	63		
4	Bd7	Qd7	34	g3 u8	c4	64		
5	o-o	Ncb	35	bc	bc	65		
6	c3	gb	36	Nb4	as	66		
7	d4	ca d	37	Nc2	fs	67		
8	cd	Bg7	38	kg2	fe	68		
9	Nc3 h5	g5	39	fe	kg7	69		
10	Be3 127	Na5	40	1-f3	1-fb	70		
11	b3	Rc8	41	ke3	ke7	71		
12	Rc1 125	Nfb	42	Na3 48	c3	72		
13	h3 124	o-o	43	Nb5 4b	c2	73		
14	Qd2 122	bb	44	kd2	Nc5	74		
15	Rad1 120	Rad8	45	Nc3	Nd3	75		
16	Ne1 117	Qb7	46	kc2	Nf2	76		
17	f3	Ncb	47	h4	1-kb	77		
18	Nd3	Nh7	48	kd2 45	Ng4	78		
19	Nf4 1.09	bs	49	Na4	Nf2	79		
20	Kh1 1.06	ab	50	ke3	Nd1	80		
21	as 1	Nes	51	ke2				
22	Nd3 s9	Nd3	52					
23	Qd3	Nfb	53					
24	Bd4 s7	Nd7	54					
25	Bg7 sb	kg7	55					
26	Ne2 s5	Rc1	56					
27	Rc1 s5	Rc8	57					
28	Qd2 s4	Rc1	58					
29	Qc1 s4	Qa7	59					
30	Qc3 s3	kh7	60					

签名 Signature:

白方 White

黑方 Black

[Signature]

[Signature]

裁判 Arbiter

[Signature]



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



G12 R14 B1
1-0

日期 Date: 2018-08-04 轮次 Round: 4 台次 Board: 2

白方 White Yin Tingwen 国籍 Federation China 等级分 Rating 1607

黑方 Black Samantha Edithso 国籍 Federation Indonesia 等级分 Rating 1900

组别 Group
U12
女/Female

结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black
1	e4	c5
2	Nf3	d6
3	Bb5+	Bd7
4	Bd7+	Qd7
5	0-0	Nc6
6	c3	g6
7	d4	cd4
8	cd4	Bg7
9	Nc3	h5
10	Be3	Na5
11	b3	Rc8
12	Rc1	Nf6
13	h3	0-0
14	Qd2	b6
15	Rfd1	Rfd8
16	Ne1	Cabc
17	f3	Nc6
18	Nd3	Nhc
19	Nfa	b5
20	Kh1	a8
21	d5	Ne5
22	Nd3	Nd3
23	Qd3	Nf6
24	Bd4	Nd7
25	Bg7	Kg7
26	Ne2	Rc1
27	Ra	Rc8
28	Qd2	Rc1+
29	Qc1	Qa7
30	Qc3+	Kh7

	White	Black
31	Nd4	Qc5
32	Qc5	dc5
33	Nc6	e5
34	g3	ca
35	bca	bca
36	Nb4	a5
37	Nc2	f5
38	Kg2	fe4
39	fea	Kg7
40	Kf3	Kf6
41	Ke3	Ke7
42	Na3	c3
43	Kb5	c2
44	Kd2	Nc5
45	Nc3	Nd3
46	Kc2	Nf2
47	h4	Kd6
48	Kd2	Ng4
49	Na4	Nf2
50	Ke3	Nd1+
51	Ke2	
52		
53		
54		
55		
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White	黑方 Black
裁判 Arbiter	



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 2016.08.04 轮次 Round: 4 台次 Board: 3
 白方 White Sun Yucan 国籍 Federation CHN 等级分 Rating 1503
 黑方 Black Wu Shuang 国籍 Federation CHN 等级分 Rating 1416
 结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

组别 Group
G12

	White	Black		White	Black		White	Black
1	e4	c5	31	Nh5.	Kd7.	61		
2	Nf3.	d6	32	Nf6.	Kc7.	62		
3	d4.	cd	33	Qe3.	Kub.	63		
4	Nd4	Nf6	34	Qg2.	Kus.	64		
5	Nc3.	ab	35	Qc2.	Kub.	65		
6	Bc3.	e5	36	Qf3.	Kus	66		
7	Nb3.	Beb.	37	Bf5.	Rd8.	67		
8	f3.	h5	38	h4.	Kbb.	68		
9	Qd2.	Nbd7	39	Rh6.	Kb7.	69		
10	g3.	Qc7	40	c3.	Bf5.	70		
11	h3.	b5.	41	Qf5.	Qc6.	71		
12	Kb1	Rc8.	42	Qeb.	Nd6.	72		
13	Bd3.	h4	43	Rf2.	Ng5.	73		
14	Nex.	Nbb.	44	Rg7.	Nc4.	74		
15	Qc1	Nc4	45	Rf7.	Kub.	75		
16	Bg5.	Be7	46	Ker.	Nf6.	76		
17	f4	Nas.	47	ef.	d4	77		
18	f3.	h9	48	Re7.	dc.	78		
19	Ng3.	Rh3.	49	bc.	Rd6.	79		
20	Rh3.	Bh3.	50	f7.	Rf6.	80		
21	Rh1	Nb3	51	Kd3.	Kab.			
22	ab	Bg4	52	Rd7.	Kes			
23	Rh4.	Beb.	53	Kes.	Kfs			
24	Qf1 Qf1	ef	54	Kd4.	Kg6			
25	Qf1	ds	55	Rab.	Kf7.			
26	es.	Nd7.	56	Rf6	Rf6			
27	Be7.	Ke7.	57					
28	Qg5.	Kas.	58					
29	Rh8.	Nf8.	59					
30	Qg7.	Qe7	60					

签名 Signature:

白方 White	黑方 Black
裁判 Arbiter	



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



GM R4 B3
-0

日期 Date: 2018.8.4 轮次 Round: 4 台次 Board: 3

白方 White Sun Yucan 国籍 Federation China 等级分 Rating 1503

黑方 Black Wu. Shuang 国籍 Federation China 等级分 Rating

组别 Group
G12

结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black
1	e4	c5
2	Nf3	d6
3	d4	cd
4	Nd4	Nf6
5	Nc3	ab
6	Be3	e5
7	Nb3	Bc6
8	f3	h5
9	Qd2	Nb0d7
10	0-0	Bd7 Qc7
11	h3	b5
12	Kb1	Rc8
13	Bd3	h4
14	Ne2	Nb6
15	Qc1	Nc4
16	Bg5	Be7
17	f4	Na5
18	g3	hg
19	Nf3	Rf3
20	Rf3	Bb3
21	Rh1	Nb3
22	ab	Bg4
23	Rh4	Be6
24	Qf1	ef
25	Qf4	ds
26	e5	Nd7
27	Be7	ke7
28	Qd5	kes
29	Rh8	Nf8
30	Qg7	de7

	White	Black
31	Nh5	Kc0g
32	Nf6	Kc7
33	Qg7	Kcb
34	Qf2	Kc5
35	Qf2	Kcb
36	Qf3	Kc5
37	Bf5	R0b8
38	b4	Kbb
39	Rh6	Kb7
40	c3	Bf5
41	Qf5	Qeb
42	Qe6	Ne6
43	Rh7	Ng5
44	Rf7	Ne4
45	Rf7	Kcb
46	Kc2	Nf6
47	ef	Qf4
48	Re7	Qc
49	bc	R0b6
50	f7	Rf6
51	Kcb	K0a6
52	Ra7	Ke5
53	Ke3	Kf5
54	Kd4	Kf6
55	Rab	Kf7
56	Rf6	Kf6
57	Kc5	
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White	黑方 Black
Sun Yucan	
裁判 Arbiter	



G12 R10 B4
1-0

第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 8/4 轮次 Round: 第4 台次 Board: 4
 白方 White: Chen Yumeng 国籍 Federation: CHN 等级分 Rating: 1394
 黑方 Black: Zhou Zitong 国籍 Federation: CHN 等级分 Rating: _____
 结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

组别 Group
G12
女F

	White	Black
1	e4	e5
2		Nf3 Nc6
3	Bc4	Bc5
4		c3 d6
5	Bb3	Nf6
6		d3 h6
7	O-O	O-O
8		Nd2 Re8
9	Re8	ab
10		Nf1 Bb6
11	Ng3	Ne7
12		h3 Ng6
13	d4	ed
14		cd Bd7
15	Qc2	Ba5
16		Re3 Bg6
17	e5	de
18		Qg6 Bb6
19	Beb	Re6
20		Qd3 e4
21	Nd4	Ne4
22		Re4 Rte4
23	Re4	Rb8
24		Be3 Qe8
25	Qe5	Re8
26		Ne4 Rde8
27	Red1	O6
28		N4 Bf8
29	Kf1	Rd5
30		Ke2 f6

	White	Black
31	Na3	Kf7
32		Nb1 Nc3
33	d5	cd
34		Ba7
35		
36		
37		
38		
39		
40		
41		
42		
43		
44		
45		
46		
47		
48		
49		
50		
51		
52		
53		
54		
55		
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:
 白方 White: Chen Yumeng
 黑方 Black: 周子彤
 裁判 Arbiter: 沈



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



Group K4 B5
1-0

日期 Date: 2018.8.4 轮次 Round: 4 台次 Board: 5

白方 White: Huang Yuen Tung 国籍 Federation: Hong Kong 等级分 Rating: _____

黑方 Black: Kang So Hyun 国籍 Federation: Korea 等级分 Rating: _____

组别 Group
G 12

结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black
1	d4	d5
2	Bf4	Nf6
3	e3	Bf5
4	c4	c6
5	Nc3	e6
6	Nf3	Qb6
7	Qb3	Nbd7
8	Qxb6	Nxb6
9	c5	Nbd7
10	Nh4	Bg6
11	Nxb6	hxg6
12	Bd3	Nh5
13	Ne2	Be7
14	O-O	g5
15	Bg3	Nxf3
16	Nxf3	Bb6
17	Ne2	Bc7
18	g3	Nf6
19	kg2	Rhb
20	h3	kg7
21	f3	Re3
22	e4	dxh4
23	fxe4	Rehb
24	Rh1	Bb6
25	Rac1	kg7
26	a4	a5
27	Rb1	Bc7
28	Rad1	Rdb
29	g4	kg7
30	Bc2	Rh4

	White	Black
31	b3	Rhb
32	Ng3	Bf4
33	Ne2	Bc7
34	Ng3	Rd7
35	kf3	Rhd8
36	Ne2	Nh7
37	kg2	Nf8
38	Rxf1	Nb6
39	e5	Nh4
40	kh1	Rhb
41	Be4	Rhb
42	Bg2	Rd8
43	Rd3	Bxe5
44	Rdd1	Bf6
45	Rfe1	Rd7
46	kg1	Rhb
47	Rd2	Rhd8
48	Red1	e5
49	d5	Nxg2
50	d6+	ke6
51	Kxg2	g6
52	Ng3	Bhb
53	Ne4	f6
54	Rf1	Rf8
55	Nxg5	Qxg5
56	Rxf8	Bg7
57	Rab	e4
58	Reot	kft1
59	Rxe4	Bf8
60	Rf2+	kg7

	White	Black
61	Re3	
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White	黑方 Black
Huang Yuen Tung	강소현
裁判 Arbiter	
[Signature]	



GV RP BS
HO

第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 8.4 轮次 Round: 4 台次 Board: 5 组别 Group: G12
 白方 White Huang Xuan Jun 国籍 Federation HKG 等级分 Rating _____
 黑方 Black Kang So Hyun 国籍 Federation Korea 等级分 Rating _____
 结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black		White	Black		White	Black
1	d4	d5	31	b3	Rh8	61	Re8	
2	Bf4	Nf6	32	Ng3	Bf4	62		
3	e3	f5	33	Ne2	Bc7	63		
4	c4	c6	34	Ng3	Re7	64		
5	Nc3	e6	35	Kf3	Rd8	65		
6	Nf3	Qb6	36	Ne2	Nh7	66		
7	Qb3	Nd7	37	Kg2	Nf8	67		
8	abb	Nb6	38	Rf1	Nf6	68		
9	c5	Nbd7	39	e5	Nh4	69		
10	Nh4	Bg6	40	Kh1	Rh8	70		
11	Ng6	Ng	41	Bf4	Rh6	71		
12	Bd3	Nh5	42	Bg2	RA Rds	72		
13	Ne2	Be7	43	Rd3	Bc5	73		
14	Q0	g5	44	Rd1	Bf6	74		
15	Bg3	Ng3	45	Re1	Re7	75		
16	Ng3	Bd8	46	Kg1	Rh8	76		
17	Ne2	Bc7	47	Rd2	Rd8	77		
18	g3	Nf6	48	Rd1	e5	78		
19	Kg2	Rh6	49	d5	Ng2	79		
20	h3	Ke7	50	db	Ke6	80		
21	f3	Re8	51	Kg2	g6			
22	e4	de	52	Ng3	Bh8			
23	fe	Reh8	53	Ne4	f6			
24	Rh1	Bb8	54	Rf1	Rf8			
25	Rac1	Kel7	55	Ng5	fg			
26	d4	g5	56	Rf8	Rg1			
27	Rb1	Bc7	57	Ra8	e4			
28	Rd1	Rd8	58	Re8	Kf7			
29	g4	Ke7	59	Re4	Bf8			
30	Bc2	Rh4	60	Rf2	Kg7			

签名 Signature:
 白方 White: Huang Xuan Jun
 黑方 Black: 강소현
 裁判 Arbiter: [Signature]



G12-R4 B6
01

第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 18.8.4 轮次 Round: 4 台次 Board: 6
 白方 White 国籍 Federation CHN 等级分 Rating 0
 黑方 Black limanyan 国籍 Federation CHN 等级分 Rating 0

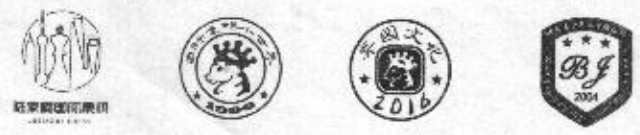
组别 Group
G12/F

结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black		White	Black		White	Black
1	e4	e5	31	Ra2	Qd3	61		
2	Nf3	Nc6	32	cb	Qd5	62		
3	Nc3	Nf6	33	Kf1	Qa2	63		
4	Bc5	Ne4	34	Kg2	Qd5	64		
5	Ne4	d5	35	Qxf1	kg1	65		
6	Bd3	de	36	g1(Q)	Qa1(Q)	66		
7	Be4	Bg4	37	Kh2	Qh1#	67		
8	Bc6	dc	38			68		
9	h3	Bb5	39			69		
10	d3	Bc5	40			70		
11	O-O	O-O	41			71		
12	Bg5	Qd7	42			72		
13	Re1	Re8	43			73		
14	Bh4	h6	44			74		
15	Ne5	Bd1	45			75		
16	Ra1	Qd4	46			76		
17	Nc6	Qb2	47			77		
18	Ne7	Kf8	48			78		
19	Rb1	Qa2	49			79		
20	Rb7	Be7	50			80		
21	Be7	Re7	51					
22	Rb1	Re8	52					
23	Rb1	Qdb	53					
24	Rc7	Qd6	54					
25	Rb1	Qe7	55					
26	C4	a5	56					
27	g3	Qd6	57					
28	Rd1	Qb4	58					
29	Kf2	a4	59					
30	Rd2	a3	60					

签名 Signature:

白方 White 王语琦	黑方 Black Limanyan
裁判 Arbiter 	



G12 R4 B6
0-1

第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 2018.8.4 轮次 Round: 四 台次 Board: 6

白方 White wangyuqi 国籍 Federation China 等级分 Rating 0

黑方 Black Limanyan 国籍 Federation China 等级分 Rating 0

组别 Group
G12

结果 Result: 1-0 0-1 1/2-1/2

	White	Black
1	e4	e5
2	Nf3	Nc6
3	Nc3	Ng6
4	Bc4	Ne4
5	Ne4	d5
6	Bd3	de
7	Be4	Bg4
8	Bcb	b c
9	h3	Bh5
10	d3	Bc5
11	o-o	o-o
12	Bg3	Qd7
13	Re1	Rfe1
14	Bh4	h6
15	Nes	Ra1
16	Rod1	Qd4
17	Nc6	Qb2
18	Ne7	Kf8
19	Rb4	Qae
20	Rb7	Be7
21	Be7	Re7
22	Rb1	Re7Ree8
23	Ribe	Qd5
24	Rc7	Qd6
25	Rb1	Qc7
26	c4	a5
27	g3	Qdb
28	Rd1	Qdf
29	Kg2	a4
30	Rd2	a3

	White	Black
31	Rae	Qd5
32	c5	Qd5
33	Kf1	Qae
34	Kg2	Qd5
35	Kf1	a2
36	Kg1	a1(Q)
37	Kh2	QhQd1
38		
39		
40		
41		
42		
43		
44		
45		
46		
47		
48		
49		
50		
51		
52		
53		
54		
55		
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White 	黑方 Black <u>Limanyan</u>
裁判 Arbiter 	

